

PHÁI ĐOÀN THƯƠNG MẠI ĐẦU TIÊN CỦA MỸ ĐẾN VIỆT NAM

Trần Nam Tiến

Viện Khoa học Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh

(Bài nhận ngày 04/10/1999)

TÓM TẮT: Năm 1832, dưới thời vua Minh Mạng, phái đoàn thương mại đầu tiên của Mỹ đã đến Việt Nam bày tỏ thiện ý thiết lập quan hệ hữu hảo với Việt Nam. Tuy chuyến đi của họ không đem lại một kết quả cụ thể nào nhưng nó đã mở đường cho cuộc bang giao thân hữu giữa Việt Nam và Mỹ, một mối quan hệ hữu nghị và bình đẳng. Bài viết cũng nêu ra những bài học kinh nghiệm, lịch sử trong mối quan hệ Việt - Mỹ.

Trong các cuộc tiếp xúc giữa người Việt và người nước ngoài, lịch sử đã cho thấy ngay từ thế kỷ XVI đã có nhiều người đến Việt Nam với hai mục đích: truyền bá đạo Gia-tô và giao lưu thương mại. Sự tiếp xúc đó là kết quả của sự bành trướng chủ nghĩa tư bản phương Tây sang các nước phương Đông.

Từ giữa thế kỷ XVI, các thuyền buôn Bồ Đào Nha thường xuất phát từ Trung Quốc đến buôn bán tại các thương cảng nước ta. Các thương nhân Bồ Đào Nha buôn bán với Đàng Trong nhiều hơn và tại đây, họ tìm mọi cách gây ảnh hưởng đối với các chúa Nguyễn. Họ đã mở các cửa hàng ở Hội An thuộc đất Quảng Nam để buôn bán. Lịch sử đã ghi lại, vào khoảng năm 1614, một thương nhân người Bồ Đào Nha tên là Jean de la Croix đã được chúa Nguyễn cho lập lò đúc súng ở Thuận Hóa, sau này người ta còn gọi chỗ ấy là Phường đúc¹.

Ở Đàng Ngoài, các thương nhân người Hà Lan cũng đã lui tới buôn bán. Đến tháng 5 năm 1637, chúa Trịnh đã cho phép người Hà Lan đặt thương điểm ở phố Hiến, rồi sau cho dời lên Kẻ Chợ. Sau đó, người Nhật Bản, người Trung Quốc kể cả người Thái Lan cũng được Chúa Trịnh cho phép đến buôn bán ở khu phố Hiến và dần dần họ đã biến nơi này trở thành một khu vực buôn bán sầm uất đứng hàng thứ 2 sau kinh đô Thăng Long. Lúc bấy giờ tục ngữ có câu: "*Thứ nhất kinh kỳ, thứ nhì phố Hiến*".

Cũng vào khoảng đầu thế kỷ XVII, các thuyền buôn của Anh đã lui tới buôn bán ở Đàng Ngoài. Năm 1672, tư bản Anh chính thức đặt quan hệ buôn bán với Đàng Ngoài và được phép xây dựng thương điểm ở phố Hiến và đến năm 1683 thì họ được chúa Trịnh cho lập thêm một thương điểm ở Kẻ Chợ.

Vào nửa sau thế kỷ XVII, thuyền buôn của Pháp cũng bắt đầu đến buôn bán ở Đàng Ngoài. Năm 1680 thương điếm của Pháp đã được thành lập ở phố Hiến.

Nhìn chung, chính quyền Trịnh - Nguyễn tuy có lúc mở rộng ngoại thương, cho phép thuyền buôn các nước vào buôn bán nhưng trước sau vẫn nắm độc quyền về ngoại thương nhằm ưu tiên phục vụ cho nhu cầu chiến tranh và sự xa xỉ của các tầng lớp vua chúa, quý tộc. Bọn quan lại kiểm soát ngoại thương lại thường ức hiếp mua rẻ, bán đắt và gây những nhiễu. Tình trạng đó gây ra nhiều trở ngại cho sự hoạt động của các thuyền buôn nước ngoài. Quá trình buôn bán này kết thúc vào nửa sau thế kỷ XVIII khi các chúa Trịnh - Nguyễn ra lệnh cấm những giáo sĩ phương Tây không được vào truyền đạo ở Việt Nam². Từ đó các thương nhân phương Tây cũng ít lui tới buôn bán nữa, việc buôn bán giữa Việt Nam và các nước phương Tây sa sút dần.

Năm 1802, Gia Long lên ngôi và cho lập ra một bộ phận gọi là “Nghinh tân quán”³ đặt ở Sài Gòn với mục đích để tiếp khách nước ngoài tới giao thương. Lúc này, trong triều cũng có hai người nước ngoài làm quan đó là Chaigneau và Vannier⁴.

Sau đó khi Minh Mạng lên ngôi, vào tháng 2 năm 1826 ông đã cho lập một cơ quan gọi là “Tứ dịch quán”⁵ với mục đích để người Việt Nam học tiếng của các nước phương Tây và chuẩn bị cho việc bang giao với nước ngoài, đồng thời quyết định lấy cảng Đà Nẵng làm thương cảng chính để buôn bán và trao đổi hàng hóa với người nước ngoài. Trong bối cảnh đó, người Mỹ bắt đầu đặt chân đến Việt Nam.

Năm 1819, người Mỹ đầu tiên đã đặt chân đến Việt Nam, đó là John White. Trong thời gian từ Mỹ đến Đông Dương, John White đã viết một cuốn sách về hành trình của mình có tựa đề là “Hành trình sang Nam Kỳ” (A Voyage to Conchin-China) nhưng khi xuất bản năm 1823 tại Boston lại có tựa khác là “Lịch sử một chuyến du hành trong biển Đông” (History of a Voyage through the China Sea). Cuốn sách có tất cả 21 chương viết đầy đủ về hành trình của ông. Trong đó từ chương IV, V trở đi, ông đã ghi lại rõ ràng các cuộc tiếp xúc của ông với quan lại và người dân ở Việt Nam. Sau chuyến đi này, ông đã mang về nước rất nhiều tình cảm tốt đẹp về đất nước và con người Việt Nam.

Vào năm 1832, phái đoàn Mỹ đầu tiên đã đến đặt quan hệ thông thương với Việt Nam. Chính phủ Hoa Kỳ thời bấy giờ, do Tổng thống Andrew Jackson lãnh đạo đã bổ nhiệm Edmund Robert tới hiệp thương với nước ta. Ông Edmund Robert

vốn là một nhà hàng hải nhiều kinh nghiệm, ông đã nhiều lần mở các chuyến viễn du sang các khu vực phương Đông. Đi cùng với ông sang Việt Nam còn có viên chỉ huy tàu Peacock là Đại úy Georges Thompson. Sứ mạng của Ed. Robert là thương thuyết cùng triều đình Huế việc thương mại giữa hai nước. Ở đây, tàu Peacock thả neo tại một cảng gọi là Vũng Lâm⁰ thuộc vịnh Xuân Đài tỉnh Phú Yên ngày nay. Ông đã tìm cách liên lạc với chính quyền địa phương cũng như với triều đình Huế. Sau đó, ông được chính quyền địa phương đón tiếp và ông đã trao đã trao bức quốc thư của Tổng thống Mỹ Jackson cho vua Minh Mạng, trong đó đại cương giới thiệu chức vụ của Ed. Robert. Nguyên văn bức thư như sau⁷:

Andrew Jackson, President of the United States of America

To Great and Good Friend

This will be delivered to your Majesty by Edmund Robert, a respectable citizen of these United States, who has been appointed Special agent on the part of this Government to transact important business with your Majesty. I pray you Majesty to protect him in the exercise of the duties which are thus confided to him and to treat him with kindness and confidence, placing entire reliance on what he shall say to you in our behalf specially when he shall repeat the assurances of our perfect Amity and Goodwill towards your Majesty.

I pray God to have you always, Great and Good Friend, under his safe and holy keeping.

In Testimony where of, I have caused the Seal of the United States to be here into affixed. Give under my hand at the City of Washington the thirty first day of January A. D. 1832, and of the Independence of the United States of America the fifty sixth.

Andrew Jackson

Edw. Livingston, Secretary of States

By the President

Dịch ra tiếng Việt:

Andrew Jackson, Tổng thống Hợp chủng quốc Hoa Kỳ

Kính gửi Hoàng đế Đại quý hữu

Thư này sẽ được đệ trình lên hoàng thượng do Edmund Robert, một công dân ưu tú của Hợp chủng quốc. Ông này đã được đề cử vào chức Đặc ủy viên của Chính phủ chúng tôi để thương nghị với quý quốc về các vấn đề quan trọng.

Kính mong Hoàng thượng che chở và đối đãi tử tế với đương sự trong khi thừa hành nhiệm vụ. Tôi tin cậy hoàn toàn những điều mà đương sự sẽ đề đạt lên Hoàng thượng nhất là tình thân hữu hoàn toàn và tất cả thiện chí của chúng tôi đối với Hoàng thượng. Tôi cầu xin Thượng đế luôn luôn phù hộ Đại quý hữu.

Để chứng minh các điều nói trên, tôi cho kèm theo quốc ấn của Hợp chủng quốc trên văn kiện này lập với bốn ấn tại thủ đô Hoa Thịnh Đốn ngày 31 tháng giêng Dương lịch 1832 là năm thứ năm mươi của nền độc lập Hợp chủng quốc.

Andrew Jackson

Phó thư

Edw. Livingston

Quốc vụ khanh

Xét nội dung bức thư do ông Robert mang tới có đặc điểm thuần túy thương mại. Chính Chaigneau khi còn giữ chức lãnh sự ở Việt Nam tiếp xúc với người Mỹ cũng công nhận rằng “họ có sắc thái hòa bình và thuần túy thương mại hơn người Anh với người Pháp”⁸.

Nhờ khéo léo và lễ phép, Robert thu được nhiều cảm tình của các viên chức triều đình ở đây. Đức tính của ông đã được phái bộ Nguyễn Tri Phương và Lý Văn Phức tâm lên Minh Mạng như sau: “..., lên thuyền họ khoãn dãi mà cật vấn ý tứ họ đến đây là muốn gì? Họ nói: “đến đây chỉ cầu sự giao hảo thông thương mà thôi”. Từ ý của họ tỏ ra cung kính thuận hòa...”⁹.

Tại Huế, Vua Minh Mạng cho rằng lời lẽ trong bức thư không rõ ràng nên từ chối. Sau đó sai quan Thương bạc (quan trông coi về công việc ngoại giao) viết thư trả lời đồng ý cho phái đoàn Mỹ được buôn bán ở đây nhưng phải tuân theo luật pháp của quốc gia áp dụng cho người nước ngoài. Ngoài ra, Minh Mạng còn chỉ định nếu người Mỹ tới lần nữa thì cho tàu đậu tại Sơn Trà, thuộc cửa Hàn tỉnh Quảng Nam (nay thuộc Đà Nẵng), họ được phép thông thương ở đây nhưng không được xây nhà ở hay mở phố mua bán¹⁰. Sau đó, Ed. Robert được các quan chức ở đây dẫn đi thăm quan Sài Gòn, Đà Nẵng và Hội An. Mấy ngày sau, tàu Peacock rời Vũng Lân để đi Tiêm La (Thái Lan) và thả neo ở cửa sông Ménam ngày 18-2-1833.

Tuy kết quả thương thuyết không như ý muốn của phái đoàn Mỹ nhưng họ đã chiếm được nhiều cảm tình của triều đình Huế. Đây là lần thứ hai người Mỹ sang giao thiệp với nước ta nhưng tiếc là họ không biết luật pháp Việt Nam. Mặc dù tàu Peacock không có ý dò xét hay chở giáo sĩ đến truyền đạo, nhưng tàu lại đến đậu tại Vũng Lân cũng đủ gây mối lo ngại cho triều đình Huế.

Bốn năm sau, năm 1836, Chính phủ Hoa Kỳ một lần nữa lại cử Edmund Robert tới Việt Nam. Việc này chứng tỏ Chính phủ Mỹ rất chú ý tới việc thông thương với các nước ở khu vực châu Á. Phái đoàn của Robert đến Việt Nam lần này gồm Robert giữ chức trưởng đoàn, Đại úy E.J. Kennedy-Thuyền trưởng tàu Peacock và một vị bác sĩ hải quân chuyên trách giải phẫu W.S.W Ruschenberger.

Tàu khởi hành từ New York ngày 23-4-1835 và đến ngày 20-4-1836 thì đến Việt Nam. Mục đích của phái đoàn lần này vẫn là ký kết với nước ta một hiệp ước thương mại.

Lần này tàu theo đúng quy định của Triều đình Huế đến đậu ở tại bán đảo Sơn Trà. Tại đây, phái đoàn tiếp xúc với các giới chức tại địa phương và nhân viên của Ty thương bạc. Quan chức của tỉnh Quảng Nam thông báo về triều nhận xét về phái đoàn Mỹ. Họ cho biết phái đoàn Mỹ tỏ ra lễ phép cung kính nhưng do bất đồng ngôn ngữ nên không hiểu ý của phái đoàn Mỹ¹¹.

Tại triều đình Huế, sau khi nhận đầy đủ tin tức về sứ mệnh của Ed. Robert, các giới chức có thẩm quyền ở đây lại có hai khuynh hướng đối ngoại khác biệt, đối lập nhau, tập trung theo hai khuynh hướng rõ rệt. Một phái gồm những quan lại thủ cựu, đại diện là các quan lại trong Nội các, họ không muốn quan hệ với người nước ngoài. Thái độ đó biểu hiện qua ý kiến của quan Thị lang Nội các Hoàng Quýnh. Theo ông người Hoa Kỳ vốn xảo quyệt khó lường, do chức vụ đảm trách ngoại giao ông khuyến cáo vua hãy dựa theo chính sách xưa của người Trung Hoa đã áp dụng đó là phương cách ngăn ngừa, bế quan tỏa cảng đóng cửa biển hoàn toàn tuyệt giao với các nước phương Tây. Ông nói: "Nước họ xảo quyệt muôn mặt, nên cự tuyệt đi. Một khi dung nạp sợ để lo cho đời sau. Người xưa đóng cửa ải Ngọc Quan, tạ tuyệt Tây vực, thực là chức hay chống cự Nhung địch"¹².

Phái còn lại gồm những người đã từng ra nước ngoài thông thương, thấy được nền văn minh phương Tây nên hiểu được cái lợi của việc quan hệ và thông thương với người nước ngoài. Họ khuyên triều đình nên áp dụng chính sách ngoại giao mở rộng cho người Mỹ tới Huế tìm hiểu thái độ của họ sau đó sẽ giao thiệp với họ. Đại diện phái thứ hai là quan Thị lang bộ Hộ Đào Tri Phú, một nhân vật từng xuất ngoại, có đường lối ngoại giao mềm dẻo sáng suốt. Ông khuyên vua và triều đình mời phái đoàn Mỹ tới Huế cho tạm trú ở Công quán, sau đó sẽ định đường lối bang giao sau. Ông nói: "Họ là người nước ngoài, tình ý giả dối cũng chưa biết chừng. Thần tưởng hãy cho họ vào Kinh, lưu ở Công quán Thương bạc, phái người điều khoản đãi và thăm dò cái ý họ đến"¹³.

Vua Minh Mạng có thái độ rộng rãi, hòa dịu, thuận lời yêu cầu của Đào Tri Phú và muốn đối xử tốt với sứ giả của Tổng thống Jackson, vua nói: "Họ xa cách trùng dương trên bốn vạn dặm, nay ngưỡng mộ uy đức triều đình mà đến, sao lại cự tuyệt, chẳng hóa tỏ cho người ta thấy mình không rộng rãi ư?"¹⁴. Vì thế Minh Mạng ra lệnh cho sứ Quảng Nam tiếp phái đoàn Mỹ thật trọng hậu, chứng tỏ cho họ biết nước ta rất hiếu khách và bổ nhiệm quan Thị lang bộ Hộ Đào Tri Phú với quan Thị lang bộ Lại Lê Bá Tú đại diện Ty thương bạc tới nghị thuyết với phái đoàn Mỹ.

Hai ông từ Huế tới Đà Nẵng, xuống tàu Peacock thăm Ed. Robert. Khi phái đoàn Triều Nguyễn tới thăm thì gặp lúc Robert đang bị bệnh, không thể tiếp kiến được. Ông gửi lời cảm ơn phái đoàn của ta và cho người đến đáp lễ. Robert thấy bệnh không thuyên giảm nên tới ngày 21-5-1836 cho tàu rời Quảng Nam đến Quảng Đông (Trung Quốc) chữa bệnh. Nhưng do cơn bệnh quá nặng nên Ed. Robert đã mất tại Macao ngày 12-6-1836. Theo báo cáo của chỉ huy tàu Peacock là Kennedy gửi từ Canton về Bộ trưởng Hải quân cho biết: “Chúng tôi phải ở lại Vịnh Đà Nẵng, nhưng vì chứng bệnh quá nặng của ông Robert, chúng tôi không làm gì được ở đây cả và chúng tôi phải rời hải cảng ấy ngày 21-5”¹⁵.

Việc ra đi đột ngột của phái đoàn Mỹ khiến cho vua quan Triều Nguyễn bất ngờ. Vua Minh Mạng lại không giận cho là họ không hiểu lễ phép của người Á Đông. Ông nói: “Họ đến, ta không ngăn cản, họ đi, ta không đuổi theo, lễ phép văn minh có trách gì man di cõi ngoài”¹⁶.

Có thể nói sứ bộ của triều đình Huế lúc đó gồm những vị quan có tầm nhìn xa trông rộng, có tinh thần phóng khoáng, biết nhận thức việc lợi hại trong chính sách ngoại giao. Rất tiếc số này trong triều lại quá ít vì thế chính sách đối ngoại dưới thời Minh Mạng gặp nhiều sai lầm thiếu sót.

Về phía Mỹ, tuy hai lần sang Việt Nam không đạt kết quả gì đáng kể, nhưng phái đoàn của Robert đã mang lại cảm tình đầu tiên, sâu đậm tại triều đình Huế. Có lẽ nếu Ed. Robert không lâm bệnh, cuộc thương thuyết có thể sẽ tốt đẹp và nước ta giao thiệp với Mỹ sớm hơn lịch sử sau đó. Bức thư của Ed. Robert đưa cho vua Minh Mạng được coi như là công hàm đầu tiên của Tổng thống Mỹ gửi cho Chính phủ nước ta.

Tuy hai chuyến đi của Edmund Robert tới Việt Nam không mang lại những kết quả gì cụ thể nhưng qua đó cũng cho ta thấy được rằng: mặc dù bất đồng ngôn ngữ và xa cách nhau một đại dương nhưng cả hai nước vẫn muốn qua lại thông thương với nhau trên lập trường bình đẳng hầu đặt những nền móng đầu tiên cho công cuộc bang giao chính thức giữa Việt Nam và Hoa Kỳ sau này. Có thể nói, hơn một thế kỷ sau, Hoa Kỳ trở thành một cường quốc hàng đầu thế giới muốn đóng vai trò sen đầm quốc tế, lại áp dụng một chính sách cấm vận đối với các quốc gia thù địch, trong đó có Việt Nam.

Ngay sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời. Với đường lối ngoại giao trên nguyên tắc “thêm bạn bớt thù”, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn bày tỏ

thiện chí sẵn sàng thiết lập quan hệ hữu nghị với Mỹ, giao thiệp thân thiện với Mỹ. Song tiếc rằng, chính phủ Mỹ đã không đáp lại thiện chí đó của Việt Nam, mà trái lại còn tiếp tay cho Pháp xâm lược Việt Nam. Mỹ đã bỏ lỡ cơ hội lập quan hệ ngoại giao giữa hai nước. Mỹ đã từng bước can thiệp vào Việt Nam. Ngay từ năm 1945, nhất là từ năm 1950 đến năm 1954, Mỹ đã công nhận Chính phủ bù nhìn ở Việt Nam, đồng thời viện trợ quân sự cho Pháp để kéo dài cuộc chiến tranh xâm lược ở Việt Nam. Có thể nói, chính quyền Mỹ đã đi ngược lại những quan hệ tốt đẹp đã có giữa hai nước trong lịch sử để lao vào “một cuộc chiến tranh làm mất lòng và gây chia rẽ nhất trong một thế kỷ của lịch sử nước Mỹ”¹⁷.

Chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất 1945-1954 chấm dứt với thắng lợi của nhân dân Việt Nam trong việc giải phóng hoàn toàn miền Bắc, chuyển sang hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam và thống nhất nước nhà. Trước tình hình đó, Mỹ đã nhanh chóng đẩy Pháp ra khỏi Việt Nam và trực tiếp tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Quan hệ Việt Nam - Mỹ trong thời kỳ 1954-1975 là quan hệ đối đầu giữa những người bảo vệ Tổ quốc và những người đi xâm lược. Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhiều lần bày tỏ lòng yêu chuộng hòa bình để giải quyết vấn đề chiến tranh Đông Dương, song Chính phủ Mỹ qua các đời tổng thống đều lẩn tránh và họ chỉ muốn chinh phục Việt Nam bằng sức mạnh. Có thể nói đó là sự tiếp tục chính sách thù địch truyền thống của Mỹ đối với cách mạng Việt Nam, nhưng tất yếu đã phải thất bại, quân đội Mỹ buộc phải rút quân về nước. Hậu quả của cuộc chiến tranh Việt Nam đã gây cho nhân dân hai nước nhiều tổn thất nặng nề. Nước Mỹ nhiều năm sau đó vẫn tiếp tục bị ám ảnh bởi cái gọi là “Hội chứng chiến tranh Việt Nam”.

Mặc dù gặp phải thất bại trong đối đầu quân sự, các nhà cầm quyền của Mỹ vẫn không thấy được mong muốn của nhân dân hai nước là được sống hòa bình và hữu nghị. Gần 20 năm sau chiến tranh Việt Nam, Mỹ vẫn áp dụng chính sách phong tỏa, cấm vận hàng cô lập Việt Nam với thế giới. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn không sụp đổ, trái lại, với thắng lợi của công cuộc đổi mới toàn diện và chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở, đa dạng hóa, đa phương hóa, Việt Nam vẫn đứng vững, thế và lực ngày càng tăng, trở thành một yếu tố mà Mỹ phải tính đến trong cơ cấu kinh tế và an ninh ở khu vực. Mặt khác, hòa bình, hợp tác và phát triển ở khu vực đã trở thành xu thế không thể đảo ngược; các nước phát triển và ASEAN hưởng ứng chính sách đối ngoại rộng mở của Việt Nam, tăng cường quan hệ với Việt Nam, vô hiệu hóa chính sách cấm vận của Mỹ. Các yếu tố trên đây đã buộc chính quyền Mỹ phải điều chỉnh chính sách đối với Việt Nam. Ngày 3.2.1994, tổng thống Bill Clinton công bố quyết định bãi bỏ lệnh cấm vận đối với Việt Nam và mở cơ quan liên lạc tại Hà Nội. Ngày 11.7.1995, Tổng thống Mỹ quyết định

thiết lập quan hệ ngoại giao đầy đủ với Việt Nam và trao đổi đại sứ. Hai bên Việt Nam và Mỹ thỏa thuận lấy ngày 12.7.1995 là ngày chính thức lập quan hệ ngoại giao giữa hai nước.

Việc bình thường hóa quan hệ với Việt Nam còn là nhu cầu của bản thân nhân dân Mỹ nhằm hàn gắn vết thương tinh thần của nước Mỹ do cuộc chiến tranh Việt Nam để lại. Đây cũng là kết quả và chủ trương của nước ta nhằm xây dựng một mối quan hệ bình thường với Mỹ, trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền dân tộc, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và cùng có lợi. Việc bình thường hóa và phát triển kinh tế - thương mại là nội dung cơ bản và quan trọng nhất của quan hệ hai nước trong giai đoạn mới. Đây là lợi ích lâu dài, là con đường để khép lại quá khứ hướng tới tương lai đúng với chủ trương "Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng quốc tế, vì hòa bình hợp tác và phát triển"¹⁸.

Thất bại trong gần 3 thập kỷ can thiệp bằng quân sự rồi tiếp theo là hai thập kỷ cấm vận, giờ đây Hoa Kỳ đã phải tìm đến một chính sách bình thường hóa quan hệ và hợp tác phát triển cùng Việt Nam. Điều này phù hợp với lợi ích chung của hai quốc gia và thế giới, đó cũng chính là tìm lại những ý tưởng tốt đẹp đã từng xuất hiện trong lịch sử bang giao của hai nước.

THE FIRST AMERICAN COMMERCIAL MISSION IN VIETNAM

Tran Nam Tien

In 1832, during the reign of the Emperor Minh Mang, the first American commercial mission came to Vietnam. They expressed to establish friendly relation with Vietnam. And in retrospect, their great failure was not a failure after all, but they was the first American mission inaugurated the solid friendship which now exists Vietnam and United Sates. The article presents some historical lessons gained from the relationships between Vietnam and United States.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Trọng Kim, *Việt Nam sử lược*, quyển II, Trung tâm học liệu xuất bản, 1971, tr 96.
2. Ở Đàng Trong, năm 1631, chúa Nguyễn Phúc Lan cấm không cho người nước ngoài vào giảng đạo ở trong nước. Ở Đàng Ngoài, năm 1663, chúa Trịnh Tạc cũng ra lệnh đuổi các giáo sĩ và cấm người Việt theo Đạo.
3. Ứng Trình, *Việt Nam ngoại giao sử cận đại*, Văn Đàn xuất bản, S., 1970, tr 27.
4. Hai người này là người Pháp trước theo giúp Nguyễn Ánh rồi làm quan ở triều đình. Năm 1824, hai người xin từ chức trở về Pháp.

5. Xem thêm Cao Xuân Dục, *Quốc triều chính biên*, tập 1, quyển III, tr 192, 203.
6. Tổ phiên dịch Viện Sử học, *Đại Nam thực lục*, tập 11, Chính biên đệ nhị kỷ VII, Minh Mệnh năm thứ 13 (1832), NXB KHXH, H., 1964, tr 231.
7. Phạm Văn Sơn, *Việt sử tân biên*, Sài Gòn, 1961, tr 376-377. Bức thư của Tổng thống Mỹ Jackson cấp cho Edmund Robert là bức thư được dùng chung để đi đến các nước ở khu vực phương Đông nên không đề rõ nơi đến. Đây có lẽ là cơ sở để vua Minh Mạng từ chối mối quan hệ với phái đoàn Mỹ.
8. Henri Cordier, *Le consulat de France à Hué sous la Restauration*, tr 124. Dẫn theo Nguyễn Đắc Chí, *Việc bang giao giữa Đại Nam và các nước Tây dương dưới triều vua Thái Tổ (1820-1840)*, Tiểu luận Cao học Sử, S., 1973, tr 193.
9. Thái Văn Kiểm, *Đất Việt trời Nam*, Nguồn sống, S., 1960, tr 426-427.
10. Tổ phiên dịch Viện Sử học, *Đại Nam thực lục*, tập 11, Sách đã dẫn, tr 231.
11. Souigny, "Une mission Américaine en Annam sous Minh Mạng", *Bulletin des Amis du Vieux Hué*, N^o1, Janvier-Mars, 1937, tr 64-66.
12. Tổ phiên dịch Viện Sử học, *Đại Nam thực lục*. Tập 18. Chính biên đệ nhị kỷ XIV. Minh Mệnh năm thứ 17 (1836), NXB KHXH, H., 1967, tr 109-110.
13. Tổ phiên dịch Viện Sử học, *Đại Nam thực lục*, Tập 18. Sách đã dẫn, tr 109.
14. Tổ phiên dịch Viện Sử học, *Đại Nam thực lục*, Tập 18. Sách đã dẫn, tr 110.
15. Thái Văn Kiểm, *Sách đã dẫn*, tr 432.
16. Tổ phiên dịch Viện Sử học, *Đại Nam thực lục*, Tập 18. Sách đã dẫn, tr 110.
17. Pu-lơ, *Nước Mỹ và Đông Dương từ Ru-dơ-ven đến Ních-xon*, NXB Thông tin - Lý luận, H., 1986, tr 7.
18. *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, NXB Sự Thật, H., 1996.